

Bản án số: 07/2019/HS-ST
Ngày 25 tháng 6 năm 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG VĂN TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trần Xuân Long

Các hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Ngọc Thanh

Bà Phan Thị Lan

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Châu Giang - Thư ký Toà án nhân dân huyện Đồng Văn, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đồng Văn tỉnh Hà Giang, tham gia phiên toà: Ông Đỗ Tuấn Sỹ - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2019, tại Tòa án nhân dân huyện Đồng Văn tỉnh Hà Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 07/2019/HS-ST ngày 17 tháng 5 năm 2019, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2019/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 6 năm 2019, đối với bị cáo:

- NGUYỄN VĂN L, sinh năm 1988; tại xã M - S - Thành phố H; Nơi ĐKKH thường trú: Thôn T, xã M, huyện S, Thành phố H; giới tính: Nam; trình độ văn hóa: 8/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1959 và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1954; vợ Nguyễn Thị L, sinh năm 1989, có 02 con; con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2018; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/12/2018 đến ngày 25/01/2019 hủy bỏ biện pháp tạm giam, áp dụng biện pháp đặt tiền bảo, có mặt.

- Người tham gia tố tụng khác:

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Hoàng Thị H, sinh năm 1992; Địa chỉ: Khu II, thị trấn P, huyện Đ, tỉnh H, vắng mặt có lý do;

2. Anh Phùng Văn Viên, sinh năm 1986; Địa chỉ: Thôn X, xã T, huyện S, Thành phố H, vắng mặt;

3. Anh Hoàng Quang H, sinh năm 1987; Địa chỉ: Thôn X, xã T, huyện S, Thành phố H, vắng mặt;

4. Anh Hoàng Văn B, sinh năm 1990; Địa chỉ: Thôn Đ, xã Y, huyện T, tỉnh V, vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

Anh Nguyễn Đức K, sinh năm 1983; Địa chỉ: Thôn A, xã T, huyện Ú, Thành phố H, có đơn xin vắng mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ 15 phút ngày 07/12/2018, tổ công tác của Đoàn biên phòng L huyện Đ, tỉnh H đang làm nhiệm vụ tuần tra, kiểm soát tuyến đường vào mốc 413 thuộc thôn M, xã M, huyện Đ thì phát hiện một xe ô tô con, biển kiểm soát 29A - 283.87 đang đi từ mốc 413 vào nội địa có biểu hiện nghi vấn. Tổ công tác yêu cầu dừng xe để kiểm tra hành chính, qua kiểm tra trên xe có hai người là Nguyễn Văn L, sinh năm 1988 trú tại xã M - S - Thành phố H và Nguyễn Đức K, sinh năm 1983 trú tại xã T - S - Thành phố H, tiến hành kiểm tra phát hiện trên xe có 07 bao tải màu xanh, bên trong mỗi bao tải có 02 thùng bìa cát tông (bên trong mỗi thùng cát tông có 12 hộp vỏ giấy) và 24 hộp vỏ giấy riêng lẻ. Theo khai nhận của Nguyễn Văn L số thùng bìa cát tông đựng trong bao tải trên là do L được một người phụ nữ tên N (không rõ họ, tên đệm, địa chỉ) ở huyện L, tỉnh V thuê L chở về tỉnh V. Tổ công tác đã tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, niêm phong số tang vật nghi là pháo, đồng thời đưa L và Nguyễn Đức K về Đoàn biên phòng L để làm rõ. Ngày 08/12/2018 Đoàn biên phòng L tiến hành bàn giao người cùng tang vật cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đ, tỉnh H để tiến hành giải quyết theo thẩm quyền.

Tại Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ, Nguyễn Văn L khai nhận: Vào hồi 07 giờ 00 phút, ngày 07/12/2018 L nhận được cuộc gọi từ số điện thoại 0988.888.665 của Hoàng Quang H, sinh năm 1987 trú tại thôn X, xã T, huyện Sn, Thành phố H nói có chuyên hàng khô (*hàng thuốc bắc*) chở từ tỉnh H về huyện L, tỉnh V với giá 8.000.000đ (*Tám triệu đồng*), H bảo L nếu đồng ý thì lên đến tỉnh H sẽ có người dẫn đường, đồng thời H sẽ cung cấp số điện thoại để L liên lạc, L đồng ý. Sau khi tìm hiểu quãng đường lên tỉnh H xa nên L đã gọi vào số điện thoại 0988.617.998 của Nguyễn Đức K (*là người quen làm nghề lái xe taxi ở tp H*) để rủ K đi phụ giúp và trả công cho K là 1.500.000đ (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*), K đồng ý và lái xe của mình đến nhà L để xe ở đó.

Khoảng 08 giờ 00 phút cùng ngày, L điều khiển xe ô tô nhãn hiệu HUYNDAI, loại xe con, biển kiểm soát 29A-283.87 cùng K đi lên tỉnh Hà Giang (*chiếc xe này do Lượng thuê của anh Phùng Văn Viên, sinh năm 1986, trú tại thôn X, xã T, huyện S, thành phố H với giá 10.000.000đ/tháng để làm xe taxi chở khách*). Khi lên đến gần thành phố H, tỉnh H thì L nhận được cuộc gọi từ số thuê bao 0866.572.714 của một người phụ nữ tên N (*không rõ họ, tên đệm*) ở huyện L, tỉnh V tự xưng là chủ hàng và nói khi nào đi đến cách thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh H khoảng 16km thì điện thông báo

để N cho số điện thoại của người dẫn đường đưa L đến nơi nhận hàng, còn khi chờ hàng về đến km 5, Liễu S, huyện L, tỉnh V thì điện cho N để cho người ra nhận hàng (*quá trình điện thoại trao đổi L không hỏi là hàng gì*).

Khoảng 18 giờ 00 phút cùng ngày, khi lên đến ngã ba chợ xã S, L điện thoại cho Nga thì được N cung cấp cho số điện thoại 0374.067.181 và bảo L liên lạc sẽ có người chỉ dẫn chỗ lấy hàng. Khi L gọi vào số điện thoại trên thì có một người đàn ông (*Lượng không rõ tên, tuổi, địa chỉ nói tiếng phổ thông chưa thành thạo*) nghe máy và bảo L đi vào xã L, huyện Đ sẽ có một người đàn ông đứng ở cạnh ngã ba đường ra hiệu, khi gặp L dừng xe người đàn ông mở cửa lên xe ô tô đi cùng, đi được khoảng 15 phút thì người đàn ông nói đến nơi nhận hàng rồi (*lúc đó khoảng 20 giờ cùng ngày*). Tại địa điểm bốc hàng L thấy có một người đàn ông khác (*L không biết tên, tuổi, địa chỉ*) cùng với 08 bao tải hàng, L quay đầu xe sau đó xuống mở cốp sau xe ô tô và cùng một người đàn ông bốc 02 bao tải hàng cho vào cốp xe, còn K cùng một người đàn ông khác giúp bốc hàng xếp vào trong xe, còn bao cuối cùng do không còn chỗ xếp nên L đã tháo bao tải và bóc thùng cát tông ra, L thấy bên trong mỗi thùng có 12 hộp vỏ giấy, có nhiều lỗ, vỏ bọc ngoài có màu da cam, vàng nhạt, có chữ nước ngoài (*kiểu chữ Trung Quốc*). L nhét toàn bộ các hộp giấy vào các khe còn trống trong xe, trong quá trình xếp L làm rách một hộp và phát hiện thấy trong hộp có các ống hình trụ nên biết được toàn bộ số bao tải trên là pháo nhưng L không nói cho K biết, sau khi xếp hàng xong L điều khiển xe ô tô đi ra đường quốc lộ 4c, còn hai người đàn ông đi đầu L không rõ, đi được khoảng 05km thì bị tổ công tác của Đoàn biên phòng L, huyện Đ, tỉnh H yêu cầu dừng xe để kiểm tra. Khi kiểm tra số thùng bìa cát tông và hộp vỏ giấy do L vận chuyển trên xe ô tô, lúc đó K mới biết số hàng trên là pháo, tổ công tác đã tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, niêm phong toàn bộ tang vật (*ngghi là pháo*).

Tang vật thu giữ gồm: 14 (*Mười bốn*) thùng bìa cát tông và 24 (*Hai bốn*) hộp riêng lẻ. Ngày 08/12/2018, Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ mở niêm phong và tiến hành cân tịnh đã xác định: Tổng trọng lượng 168 hộp giấy đựng trong 14 thùng bìa cát tông và 24 hộp vỏ giấy (*ngghi là pháo*) thu giữ của Nguyễn Văn L có ký hiệu: M1; M2; H1; H2; H3; H4 có trọng lượng là 369 kg (*Ba trăm sáu mươi chín kilôgam*) và trọng lượng của 14 vỏ thùng bìa cát tông là 4,5kg (*Bốn phẩy năm kilôgam*).

Ngày 10/12/2018, Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ ra Quyết định trưng cầu giám định số 06/QĐ-TCGD và gửi các mẫu vật có ký hiệu: " M1; M'1; M2'2; H1'1; H1'2; H1'3; H2; H3; H4 *có phải là pháo hay không? Loại pháo gì? Khi tác động ngoại lực đập, dùng lửa đốt có gây tiếng nổ hay không?*" .

Kết luận giám định số 41/KL-PC09, ngày 14/12/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh H, kết luận: "*Mẫu vật gửi giám định ký hiệu M1; M'1; M2'2; H1'1; H1'2; H1'3; H2; H3; H4 là pháo hoa, loại pháo hoa này có chứa thuốc pháo, khi đốt phát ra tiếng nổ và ánh sáng màu*".

Đối chiếu với các quy định tại Nghị định số 36/2009/NĐ-CP, ngày 15/4/2009 của Chính phủ về quản lý, sử dụng pháo thì bên trong mẫu vật ký hiệu: M1; M'1;

M2'2; H1'1; H1'2; H1'3; H2; H3; H4 có chứa thuốc pháo và khi bị kích thích (hoặc đốt) có gây tiếng nổ.

Cáo trạng số 08/CT-VKS, ngày 17 tháng 5 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Văn, tỉnh Hà Giang đã truy tố Nguyễn Văn L về tội: “Vận chuyển hàng cấm” quy định tại điểm c khoản 3 Điều 191 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn L đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố.

Trong phần tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về giải quyết vụ án và đề nghị Hội đồng xét xử như sau:

- Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn L, phạm tội "Vận chuyển hàng cấm".
- Về hình phạt: Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 191; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L từ 05 năm tù đến 06 năm tù.
- Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Trả lại Nguyễn Văn L 01 (một) Giấy Căn cước công dân số 001088021713 mang tên Nguyễn Văn L do Cục trưởng cục cảnh sát cấp ngày 23/3/2018; 02 (hai) chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng. Trong đó 01 chiếc hiệu Iphone 6 màu bạc; 01 chiếc hiệu samsung màu đen (cả hai chiếc đã qua sử dụng, không kiểm tra bên trong máy).

Tịch thu tiêu hủy 19 (Mười chín) thùng bìa cát tông đã được niêm phong, có chữ ký và dấu của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đ, hiện đang gửi tại kho vật chứng của Công an tỉnh H; 07 (Bảy) bao tải dừa, màu xanh nhạt; 01 chiếc điện thoại Iphone 5s, màu trắng, màn hình cảm ứng (đã qua sử dụng).

- Về án phí sơ thẩm hình sự: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Bị cáo Nguyễn Văn L phải chịu theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Nguyễn Văn L không có ý kiến đối đáp, tranh luận đối với quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát; bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử, xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, của Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá

trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người tham gia tố tụng không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Văn L: Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng đã nêu, lời khai nhận tội của bị cáo hoàn toàn phù hợp với các lời khai mà bị cáo đã khai trước đó trong quá trình điều tra được lưu trong hồ sơ vụ án. Hành vi phạm tội của bị cáo được chứng minh bằng các chứng cứ như: Biên bản bắt người phạm tội quả tang; Biên bản kiểm tra phương tiện, đồ vật; Biên bản cân tịnh trọng lượng; Biên bản trích mẫu vật gửi giám định; Bản kết luận giám định của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh H; Lời khai người làm chứng Nguyễn Đức K cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa.

Vì vậy, có đủ căn cứ kết luận: Vào khoảng 20 giờ 15 phút ngày 07/12/2018, tại thôn M, xã M, huyện Đ, tỉnh H, Nguyễn Văn L, sinh năm 1988 trú tại thôn T, xã M, huyện S, Thành phố H đã thực hiện hành vi Vận chuyển hàng cấm (*pháo nổ*) với tổng trọng lượng là 369 kg (*Ba trăm sáu mươi chín ki lô gam*). Hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Văn L, đã phạm vào điểm c khoản 3 Điều 191 của Bộ luật Hình sự, có mức phạt tù từ 05 năm đến 10 năm tù.

Trong vụ án còn có Hoàng Quang H, sinh năm 1987 trú tại thôn X, xã T, huyện S, Thành phố H là người đã sử dụng số điện thoại 0988.888.665 để gọi cho L và giới thiệu L vận chuyển hàng thuê cho N đồng thời cung cấp số điện thoại của L để N liên hệ, qua xác minh thấy H không liên quan đến vụ án, còn Nguyễn Đức K là người được Nguyễn Văn L thuê với số tiền 1.500.000đ (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*) đi cùng để phụ giúp lái xe chở hàng nhưng K không biết là hàng gì, khi bị tổ công tác của Đoàn biên phòng L dừng xe kiểm tra, lúc đó K mới biết là pháo nên không có căn cứ để truy cứu trách nhiệm đối với K về hành vi vận chuyển hàng cấm.

Đối với người có tên là Nga đã sử dụng số điện thoại 0866.572.714 để gọi cho L trong ngày 07/12/2018, qua xác minh số điện thoại trên đăng ký theo chứng minh thư nhân dân mang tên Hoàng Văn B, sinh năm 1990; trú tại thôn Đ, xã Y, huyện T, tỉnh V (do B bị mất CMTND từ năm 2005, còn số điện thoại trên B không đăng ký, sử dụng). Do vậy, không đủ căn cứ xác định số điện thoại trên là của N, hiện cơ quan điều tra đang tiếp tục xác minh làm rõ.

Về số điện thoại 0374.067.181 do N cung cấp cho L để liên lạc, qua điều tra xác minh số điện thoại trên là của Hoàng Thị H, sinh năm 1992, trú tại Khu II, thị trấn P, huyện Đ, tỉnh H, H đăng ký sử dụng từ lâu, do không còn tiền trong sim nên H đã vứt bỏ, không còn sử dụng, do đó không có căn cứ để xử lý đối với H theo quy định của pháp luật; đối với người đàn ông sử dụng số điện thoại 0374.067.181 để liên lạc với L, đứng chờ, sau đó lên xe chỉ dẫn đường và cùng Lượng bốc hàng lên xe, qua điều tra không xác định được tên, tuổi, địa chỉ. Hiện Cơ quan CSĐT đang tiếp tục xác minh, khi có đủ căn cứ sẽ xử lý sau.

[3] Xét tính chất, mức độ phạm tội của Nguyễn Văn L là rất nghiêm trọng, gây nguy hại rất lớn cho xã hội, hành vi phạm của bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến các quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế, về kinh doanh, thương mại, làm mất trật tự an xã hội ở địa phương. Trước khi phạm tội bị cáo L là người đã trưởng thành, có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, có nhận thức và am hiểu nhất định về pháp luật, mặc dù khi nhận lời chở hàng thuê cho N với giá 8.000.000đ từ huyện Đ về huyện L, tỉnh V nhưng chưa thanh toán tiền, sau khi bốc xếp hàng lên xe L phát hiện số hàng trên là pháo nhưng L đã không báo cơ quan chức năng mà vẫn tiếp tục vận chuyển hàng cấm với số lượng lớn (369 kg). Vì vậy, cần thiết phải áp dụng mức hình phạt cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định mới có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Không; về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Xét thấy, bị cáo Nguyễn Văn L đã có thời gian tham gia nghĩa vụ quân sự, sau khi hoàn thành nghĩa vụ trở về địa phương bị cáo luôn chấp hành tốt mọi chủ trương, chính sách của Nhà nước, có nhân thân tốt, ở nơi cư trú bị cáo thực hiện đầy đủ mọi nghĩa vụ công dân, các quy định của địa phương, bị cáo chưa bị tiền án, tiền sự; quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo L đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1; khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[5] Về vật chứng của vụ án: Quá trình điều tra Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đ, tỉnh H đã tạm giữ: 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu HUYNDAI, biển kiểm soát 29A - 283.87 (*đã qua sử dụng*); 14 thùng bìa cát tông (bên trong có 168 hộp giấy) và 24 hộp vỏ giấy riêng lẻ (*toàn bộ là pháo nổ*), tổng trọng lượng là 369 kg (*Ba trăm sáu mươi chín ki lô gam*); 01 căn cước công dân số 001088021713 mang tên Nguyễn Văn Lượng; 03 chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng, trong đó: 01 chiếc Iphone 5s màu trắng; 01 chiếc Iphone 6 màu bạc; 01 chiếc Samsung màu đen (*cả ba chiếc đã qua sử dụng*). Trong giai đoạn truy tố, ngày 09/5/2019 Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, đã ra Quyết định xử vật chứng trả lại chiếc xe ô tô nhãn hiệu HUYNDAI, biển kiểm soát 29A - 283.87 cùng các giấy tờ liên quan cho anh Phùng Văn V, sinh năm 1986; trú tại thôn X, xã T, huyện S, Thành phố H là chủ sở hữu hợp pháp. Hội đồng xét xử xét thấy việc xử vật chứng của Viện kiểm sát không làm ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án nên ghi nhận.

Đối với vật chứng là hàng cấm (pháo) đây là loại hàng hóa Nhà nước cấm buôn bán, vận chuyển nên cần tịch thu, tiêu hủy; đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5s có số thuê bao 0986.366.111 mà Nguyễn Văn L đã sử dụng để liên lạc trong quá trình phạm tội cần tịch thu tiêu hủy.

Về án phí sơ thẩm: Bị cáo Nguyễn Văn L phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn L phạm tội: “Vận chuyển hàng cấm”.

- Về hình phạt: Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 191; điểm s khoản 1; khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L 05 (Năm) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bị cáo vào trại thụ hình, bị cáo được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/12/2018 đến ngày 25/01/2019 (là 01 tháng 20 ngày).

- Áp dụng điểm khoản 4 Điều 122 của Bộ luật tố tụng hình sự. Trả lại Nguyễn Văn L, sinh năm 1988; Nơi đăng ký HKTT: Thôn T, xã M, huyện S, Thành phố H số tiền đặt bảo đảm là 200.000.000đ (*Hai trăm triệu đồng*) theo giấy nộp tiền vào tài khoản ngày 25/01/2019 nộp vào tài khoản số: 3949.0.9049281.00000 tại KBNN huyện Đ, tỉnh H kể từ thời điểm bị cáo vào trại thụ hình.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

+ Trả lại bị cáo Nguyễn Văn L 01 (một) căn cước công dân số 0010880217113 mang tên Nguyễn Văn L; 02 (hai) điện thoại di động màn hình cảm ứng. Trong đó 01 chiếc Iphone 6 màu bạc; 01 (một) chiếc Samsung màu đen (*cả hai chiếc điện thoại đã qua sử dụng, không kiểm tra bên trong máy*).

+ Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) chiếc điện thoại di động, màn hình cảm ứng, nhãn hiệu Iphone 5s số thuê bao 0986.366.111 (*đã qua sử dụng*); 07 (bảy) chiếc bao tải dứa, màu xanh nhạt. Hiện trạng của các vật chứng như biên bản giao nhận ngày 22 /5/2019 giữa Cơ quan CSĐT Công an huyện Đồng Văn và Chi cục thi hành án dân sự huyện Đồng Văn tỉnh Hà Giang.

+ Tịch Thu tiêu hủy: 19 (mười chín) thùng bìa cát tông đã niêm phong, có chữ ký và đóng dấu của Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ, tỉnh H, hiện đang gửi giữ tại kho vật chứng phòng PC 10 Công an tỉnh Hà Giang bảo quản theo biên bản giao nhận ngày 12/01/2019 giữa Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ và Cơ quan thi hành án hình sự Công an tỉnh H (*không kiểm tra bên trong*). Giao Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ tiêu hủy theo quy định của pháp luật

- Về án phí sơ thẩm hình sự: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Nguyễn Văn L phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*).

“*Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự*”.

Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án và 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án đối với người vắng mặt tại phiên tòa./.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh H;
- VKSND tỉnh H;
- Phòng PC 10 Công an tỉnh H;
- VKSND huyện Đ;
- Công an huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Bị cáo Lượng; người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Trần Xuân Long